

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DƯỢC LIỆU NANO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DƯỢC LIỆU NANO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM NANO MEDICINE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETNAM NANO MEDICINE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109315424

3. Ngày thành lập: 20/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ uống	4633
2.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Doanh nghiệp bán buôn thuốc. (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật) - Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc	4649
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659

7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế - Kinh doanh hóa chất sử dụng trong trang thiết bị y tế. (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)	4669
8.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu); - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
11.	Đại lý du lịch	7911
12.	Điều hành tua du lịch	7912
13.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559
18.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở) (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)	8620
19.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

20.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: bán buôn thực phẩm chức năng	4632
21.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
24.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
26.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ phục vụ đồ uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);	5630
27.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	9329
28.	Xây dựng nhà để ở	4101
29.	Phá dỡ	4311
30.	Xây dựng nhà không để ở	4102
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
37.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
38.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)	9610
39.	Đào tạo sơ cấp	8531
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (trừ máy bay và kinh khí cầu)	7730
41.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100(Chính)
42.	Đào tạo trung cấp	8532
43.	Đào tạo cao đẳng	8533

44.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
45.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
46.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Bệnh viện (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)	8610
47.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Nhà thuốc; bán lẻ thực phẩm chức năng - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm: cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu	4772
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm xuất nhập khẩu dược phẩm)	8299
50.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
51.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	1079
52.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ NGỌC BÌNH	210 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	625.000.000	25,000	079145000919	
2	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	210 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	650.000.000	26,000	033046000788	
3	NGUYỄN ÁNH VÂN	W1104 The - Manor, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.225.000.000	49,000	011548073	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ÁNH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/07/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011548073

Ngày cấp: 11/11/2011

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *W1104 The-Manor, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *W1104 The-Manor, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội